



QUY TẮC BẢO HIỂM VẬT CHẤT XE Ô TÔ

(Đã được chấp thuận đăng ký theo công văn số 14552/BTC-QLBH Ngày 22/11/2018 của Bộ Tài chính)

Trên cơ sở Bên mua bảo hiểm/Chủ xe yêu cầu tham gia bảo hiểm và đã nộp phí bảo hiểm hoặc đồng ý thanh toán phí bảo hiểm theo thời hạn ghi trong Hợp đồng bảo hiểm, Công ty TNHH Bảo hiểm FUBON (Việt Nam) (“FUBON”) xác nhận bảo hiểm theo các điều khoản, điều kiện và các điểm loại trừ được quy định tại Hợp đồng bảo hiểm, Quy tắc bảo hiểm này, Giấy chứng nhận bảo hiểm, các Điều khoản bảo hiểm bổ sung và /hoặc trong các thỏa thuận khác giữa các bên.

PHẦN I.

GIẢI THÍCH TỪ NGỮ

Trong Quy tắc này các thuật ngữ và từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- 1.1 “Xe ô tô”:** Là loại phương tiện giao thông đường bộ chạy bằng động cơ có từ bốn bánh xe trở lên, không chạy trên đường ray và thường được dùng để:
 - chở người và /hoặc hàng hóa;
 - kéo các rơ moóc, somi rơ moóc;
 - thực hiện chức năng, công dụng đặc biệt.
- 1.2 “FUBON”:** là Công ty TNHH bảo hiểm Fubon (Việt Nam) được thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật có liên quan đến kinh doanh bảo hiểm, tái bảo hiểm.
- 1.3 “Bên mua bảo hiểm”:** là tổ chức, cá nhân giao kết hợp đồng bảo hiểm với FUBON và đóng phí bảo hiểm.
- 1.4 “Người được bảo hiểm”:** là tổ chức, cá nhân có tài sản là xe ô tô được bảo hiểm theo Hợp đồng bảo hiểm vật chất xe ô tô.
- 1.5 “Chủ xe”:** là tổ chức, cá nhân sở hữu xe ô tô được bảo hiểm hoặc cá nhân, tổ chức là chủ sở hữu thực tế có Hợp đồng mua bán nhưng chưa làm thủ tục đăng ký theo quy định pháp luật.
- 1.6 “Số tiền bảo hiểm và giá trị bảo hiểm (giá thị trường)”**
Số tiền bảo hiểm là số tiền mà chủ xe yêu cầu DNBH bảo hiểm cho xe của mình và được ghi trên Giấy chứng nhận bảo hiểm/Hợp đồng bảo hiểm và không lớn hơn giá thị trường của xe.
Chủ xe có thể thỏa thuận tham gia bảo hiểm bằng hoặc thấp hơn giá trị thị trường của xe.
Trường hợp không xác định được giá thị trường của xe thì giá trị của xe do các bên thỏa thuận như sau:
 - Đối với xe mới (100%), giá trị của xe là giá bán xe do các hãng sản xuất trong nước công bố tại thị trường Việt Nam, hoặc giá xe nhập khẩu đã bao gồm tất cả các loại thuế theo quy định của Nhà nước.
 - Đối với xe ô tô đã qua sử dụng, giá trị của xe là giá xe mua bán trên thị trường của xe cùng chủng loại (cùng hãng sản xuất, mẫu xe, dung tích xi lanh, năm sản xuất).
- 1.7 “Thời gian sử dụng xe”:** Thời gian sử dụng xe là khoảng thời gian tính từ tháng đăng ký lần đầu tại Việt Nam đến tháng giao kết hợp đồng bảo hiểm. Đối với xe nhập khẩu đã qua sử dụng ở nước ngoài, thì thời gian sử dụng tính từ tháng một của năm sản xuất đến tháng giao kết hợp đồng bảo hiểm
- 1.8 “Sự kiện bảo hiểm”** Là sự kiện khách quan được quy định trong Quy tắc này mà khi sự kiện đó xảy ra thì FUBON phải bồi thường cho Người được bảo hiểm.
- 1.9 “Thiên tai được bảo hiểm”** Là hiện tượng thiên nhiên bất thường có thể gây thiệt hại cho đối tượng được bảo hiểm bao gồm: giông, bão, lốc, sét, lũ, lụt, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy, mưa đá, sóng thần, núi lửa phun trào,...
- 1.10 “Tai nạn”** Là sự kiện bất ngờ, không lường trước gây ra bởi một lực bất ngờ ngoài ý muốn của Người được bảo hiểm, từ bên ngoài tác động gây tổn thất cho cho đối tượng được bảo hiểm.
- 1.11 “Phí bảo hiểm”** Là khoản tiền mà Bên mua bảo hiểm phải đóng cho FUBON theo thời hạn và phương thức do các bên thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm
- 1.12 “Thời hạn đóng phí bảo hiểm”** Là thời hạn được ghi trong Hợp đồng bảo hiểm mà trong thời hạn đó phí bảo hiểm phải được đóng đầy đủ.
- 1.13 “Lái xe” và “Lái xe được phép”**
“Lái xe” Là người điều khiển xe tại thời điểm xe được bảo hiểm xảy ra tai nạn, tổn thất
“Lái xe được phép” Là Người được quyền lái xe với sự đồng ý của chủ xe hoặc bản thân chủ xe với điều kiện người lái xe phải có Giấy phép lái xe hợp lệ phù hợp với việc điều khiển xe được bảo hiểm và không trong tình trạng bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe có thời hạn hoặc không thời hạn hoặc trong tình trạng bị coi là không có Giấy phép lái xe hợp lệ theo quy định của pháp luật.

PHẦN II

QUY ĐỊNH CHUNG

ĐIỀU 1: HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

Hợp đồng bảo hiểm xe ô tô là sự thỏa thuận giữa Bên mua bảo hiểm và FUBON, theo đó Bên mua bảo hiểm phải đóng phí bảo hiểm, FUBON phải bồi thường cho Người được bảo hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm.

Hợp đồng bảo hiểm phải được lập thành văn bản, bao gồm: Quy tắc; Điều khoản; Bản báo giá/Giấy yêu cầu bảo hiểm có chữ ký của Bên mua bảo hiểm hoặc người đại diện hợp pháp của Bên mua bảo hiểm; Giấy chứng nhận bảo hiểm/Đơn bảo hiểm là bằng chứng của việc giao kết hợp đồng bảo hiểm; Sửa đổi bổ sung và các thỏa thuận khác (nếu có)...



ĐIỀU 2: THỜI HẠN BẢO HIỂM

- 2.1 Thời hạn bảo hiểm bắt đầu và kết thúc được ghi trên Hợp đồng bảo hiểm/Giấy chứng nhận bảo hiểm.
- 2.2 Trong thời hạn bảo hiểm, nếu có sự chuyển quyền sở hữu xe thì Hợp đồng bảo hiểm mặc nhiên có hiệu lực đối với chủ xe mới trừ trường hợp Chủ xe cũ/ Bên mua bảo hiểm yêu cầu chấm dứt hợp đồng bảo hiểm. Chủ xe mới/chủ xe cũ/Bên mua bảo hiểm có trách nhiệm thông báo cho FUBON trong vòng 15 ngày bằng văn bản kể từ ngày chuyển quyền sở hữu.
- 2.3 Trường hợp Chủ xe cũ/ Bên mua bảo hiểm không chuyển quyền lợi bảo hiểm cho chủ xe mới, có yêu cầu chấm dứt hiệu lực Hợp đồng bảo hiểm và hoàn phí thì FUBON sẽ chấm dứt hiệu lực Hợp đồng bảo hiểm và hoàn phí với điều kiện qui định tại Điều 3.

ĐIỀU 3: CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

- 3.1 Hợp đồng bảo hiểm tự động chấm dứt trong trường hợp Bên mua bảo hiểm không đóng đủ phí bảo hiểm theo thời hạn thanh toán phí quy định trong Hợp đồng/Giấy chứng nhận bảo hiểm.
Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày hợp đồng bảo hiểm chấm dứt, Bên mua bảo hiểm có trách nhiệm đóng đủ phí bảo hiểm đến thời điểm chấm dứt hợp đồng bảo hiểm, FUBON phải hoàn lại cho chủ xe phần phí bảo hiểm đã đóng thừa (nếu có). FUBON không phải hoàn phí bảo hiểm trong trường hợp đã xảy ra sự kiện bảo hiểm.
- 3.2 Đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng bảo hiểm
Trong thời hạn bảo hiểm, một trong hai bên có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng bảo hiểm bằng cách thông báo bằng văn bản cho bên kia trước 10 ngày kể từ ngày dự kiến chấm dứt.
 - Nếu Bên mua bảo hiểm đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng bảo hiểm trước hạn, trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản, FUBON sẽ hoàn lại phí bảo hiểm còn lại của Hợp đồng bảo hiểm sau khi đã trừ đi phí bảo hiểm ngắn hạn cho thời gian đã bảo hiểm được tính như sau:

Thời hạn bảo hiểm	Từ 16 ngày đến 1 tháng	Trên 1 tháng đến 2 tháng	Trên 2 tháng đến 3 tháng	Trên 3 tháng đến 4 tháng	Trên 4 tháng đến 5 tháng	Trên 5 tháng đến 6 tháng
Tỷ lệ	15%	25%	35%	45%	55%	65%
Thời hạn bảo hiểm	Trên 6 tháng đến 7 tháng	Trên 7 tháng đến 8 tháng	Trên 8 tháng đến 9 tháng	Trên 9 tháng đến 10 tháng	Trên 10 tháng đến 11 tháng	Trên 11 tháng
Tỷ lệ	75%	80%	85%	90%	95%	100%

- FUBON sẽ không hoàn trả bất kỳ khoản phí bảo hiểm nào nếu đã xảy ra sự kiện bảo hiểm.
- Nếu FUBON đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng bảo hiểm, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày FUBON thông báo bằng văn bản cho Bên mua bảo hiểm, FUBON sẽ hoàn lại phí bảo hiểm còn lại của Hợp đồng bảo hiểm sau khi đã trừ đi phí bảo hiểm cho thời gian đã bảo hiểm tính theo tỷ lệ.
- 3.3. Thu hồi Hợp đồng bảo hiểm, Hóa đơn GTGT và các tài liệu liên quan:
Trường hợp phí bảo hiểm chưa được đóng cho FUBON, Bên mua bảo hiểm có nghĩa vụ hoàn trả lại Hợp đồng bảo hiểm, Hóa đơn GTGT và các tài liệu liên quan.

ĐIỀU 4: QUYỀN, NGHĨA VỤ VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM/ CHỦ XE

4.1. Bên mua bảo hiểm, chủ xe có quyền:

- 4.1.1. Lựa chọn doanh nghiệp bảo hiểm hoạt động tại Việt Nam để mua bảo hiểm vật chất xe ô tô.
- 4.1.2. Yêu cầu FUBON giải thích các điều kiện, điều khoản bảo hiểm; cấp giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc đơn bảo hiểm;
- 4.1.3. Yêu cầu FUBON bồi thường theo thoả thuận trong hợp đồng bảo hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm;
- 4.1.4. Chuyển nhượng hợp đồng bảo hiểm theo thoả thuận trong hợp đồng bảo hiểm hoặc theo quy định của pháp luật;
- 4.1.5. Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

4.2. Bên mua bảo hiểm, chủ xe có nghĩa vụ:

- 4.2.1. Khi yêu cầu bảo hiểm, phải kê khai đầy đủ và trung thực những nội dung trong Giấy yêu cầu bảo hiểm theo mẫu của FUBON;
- 4.2.2. Đóng phí bảo hiểm đầy đủ, theo thời hạn và phương thức đã thoả thuận trong Hợp đồng bảo hiểm.
- 4.2.3. Tạo điều kiện thuận lợi để FUBON xem xét tình trạng xe trước khi ký Hợp đồng bảo hiểm;
- 4.2.4. Trường hợp thay đổi mức độ rủi ro được bảo hiểm dẫn đến những yếu tố làm thay đổi cơ sở tính phí bảo hiểm (ví dụ: có sự thay đổi về mục đích sử dụng xe, hoán cải, nâng cấp, cải tạo làm thay đổi giá trị xe hoặc chức năng, tải trọng xe), phải kịp thời thông báo cho FUBON trong vòng 15 ngày kể từ ngày thay đổi để áp dụng mức phí bảo hiểm phù hợp cho thời gian còn lại của Hợp đồng bảo hiểm;
 - a. Khi có sự thay đổi những yếu tố làm cơ sở để tính phí bảo hiểm, dẫn đến giảm các rủi ro được bảo hiểm thì Bên mua bảo hiểm có quyền yêu cầu FUBON giảm phí bảo hiểm cho thời gian còn lại của Hợp đồng bảo hiểm. Trong vòng 05 ngày kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu giảm phí của Bên mua bảo hiểm, FUBON phải có công văn, văn bản trả lời Bên mua bảo hiểm về việc chấp thuận hoặc không chấp thuận việc giảm phí. Trong trường hợp FUBON không chấp thuận giảm phí bảo hiểm thì Bên mua bảo hiểm có quyền đơn phương đình chỉ thực hiện Hợp đồng bảo hiểm nhưng phải thông báo ngay bằng văn bản cho FUBON.



b. Khi có sự thay đổi những yếu tố làm cơ sở để tính phí bảo hiểm, dẫn đến tăng các rủi ro được bảo hiểm thì FUBON có quyền tính lại phí bảo hiểm cho thời gian còn lại của Hợp đồng bảo hiểm. Trong trường hợp Bên mua bảo hiểm không chấp nhận tăng phí bảo hiểm thì FUBON có quyền đơn phương đình chỉ thực hiện Hợp đồng bảo hiểm nhưng phải thông báo ngay bằng văn bản cho bên mua bảo hiểm.

4.2.5. Tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn giao thông đường bộ.

4.2.6. Khi xảy ra tổn thất, Bên mua bảo hiểm/ Người được bảo hiểm/ Chủ xe có trách nhiệm:

a. Thông báo ngay sau khi xảy ra tổn thất cho FUBON để phối hợp giải quyết, tích cực cứu chữa, hạn chế thiệt hại về người và tài sản, bảo vệ hiện trường tai nạn; đồng thời thông báo cho cơ quan Công an hoặc chính quyền địa phương nơi gần nhất; trong vòng 05 ngày kể từ ngày xảy ra tổn thất (trừ trường hợp bất khả kháng) phải thông báo chính thức bằng văn bản cho FUBON.

b. Không được di chuyển, tháo gỡ hoặc sửa chữa tài sản khi chưa có ý kiến chấp thuận của FUBON trừ trường hợp cần thiết để đảm bảo an toàn, để phòng hạn chế thiệt hại về người và tài sản hoặc phải thi hành theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền;

c. Cung cấp các tài liệu trong Hồ sơ bồi thường theo quy định tại Điều 7.

4.2.7. Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm, Chủ xe phải trung thực trong việc thu thập, cung cấp các thông tin, tài liệu, chứng từ trong hồ sơ yêu cầu bồi thường và tạo điều kiện thuận lợi cho FUBON trong quá trình xác minh tính chân thực của các tài liệu, chứng từ đó; phối hợp chặt chẽ với FUBON và cơ quan chức năng để giải quyết tổn thất;

4.2.8. Trường hợp tổn thất xảy ra có liên quan đến trách nhiệm của Người thứ ba, Người được bảo hiểm phải thực hiện đúng theo các hướng dẫn của FUBON để bảo lưu quyền khiếu nại và chuyển quyền đòi bồi thường cho FUBON kèm theo toàn bộ hồ sơ, các căn cứ, tài liệu cần thiết và hợp tác chặt chẽ với FUBON để đòi lại người thứ ba trong phạm vi số tiền đã hoặc sẽ được FUBON bồi thường.

4.2.9. Đối với các thiệt hại dẫn đến phải thay thế và được FUBON chấp thuận bồi thường, Người được bảo hiểm/Chủ xe sau khi thực hiện xong công việc thay thế phải có trách nhiệm bàn giao tài sản đã được thay thế cho FUBON.

4.2.10. Thông báo ngay cho FUBON, cơ quan công an gần nhất và chính quyền ngay sau khi phát hiện xe bị mất trộm, mất cướp toàn bộ hoặc mất do thiên tai và báo cho FUBON bằng văn bản trong vòng 24 giờ kể từ khi phát hiện xe bị mất để xử lý và thực hiện các công việc theo hướng của cơ quan công an và FUBON.

4.2.11. Thực hiện các biện pháp thích hợp để bảo vệ xe tránh khỏi tổn thất gây ra bởi bất kỳ nguyên nhân nào và duy trì xe trong điều kiện hoạt động bình thường;

4.2.12. Phối hợp với FUBON trong giám định tổn thất;

4.2.13. Và các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 5: QUYỀN, NGHĨA VỤ VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA FUBON

5.1. FUBON có quyền:

5.1.1. Thu phí bảo hiểm theo thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm;

5.1.2. Yêu cầu Bên mua bảo hiểm cung cấp đầy đủ, trung thực thông tin liên quan đến việc giao kết và thực hiện Hợp đồng bảo hiểm;

5.1.3. Từ chối bồi thường cho Người được bảo hiểm trong trường hợp không thuộc phạm vi trách nhiệm bảo hiểm hoặc trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm theo thỏa thuận trong Hợp đồng bảo hiểm;

5.1.4. Yêu cầu Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm, chủ xe áp dụng các biện pháp đề phòng, hạn chế tổn thất theo quy định của pháp luật

5.1.5. Yêu cầu người thứ ba bồi hoàn số tiền bảo hiểm mà FUBON đã bồi thường cho Người được bảo hiểm do người thứ ba gây ra đối với chiếc xe ô tô được bảo hiểm;

5.1.6. Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

5.2. FUBON có nghĩa vụ:

5.2.1. Cung cấp thông tin đầy đủ liên quan đến Hợp đồng bảo hiểm và giải thích cho Bên mua bảo hiểm về các điều kiện, điều khoản bảo hiểm, quyền và nghĩa vụ của Bên mua bảo hiểm khi tham gia bảo hiểm;

5.2.2. Cấp cho Bên mua bảo hiểm Giấy chứng nhận bảo hiểm, Đơn bảo hiểm hoặc Hợp đồng bảo hiểm sau khi giao kết Hợp đồng bảo hiểm;

5.2.3. Trả tiền bồi thường bảo hiểm trong vòng 15 ngày kể từ khi nhận được hồ sơ yêu cầu bồi thường đầy đủ, hợp lệ; không quá 30 ngày trong trường hợp FUBON phải tiến hành xác minh hồ sơ.

Trong trường hợp FUBON không đủ thẩm quyền để xác minh các yếu tố trong hồ sơ thì hồ sơ bồi thường được coi là đầy đủ và hợp lệ sau khi có kết luận chính thức của cơ quan chức năng có thẩm quyền. Trong vòng 15 ngày kể từ ngày có kết luận chính thức của cơ quan chức năng có thẩm quyền về nội dung cần xác minh của vụ tai nạn, FUBON sẽ trả tiền bồi thường bảo hiểm theo phạm vi trách nhiệm bảo hiểm. Sau 90 ngày kể từ ngày FUBON có văn bản đề nghị cơ quan chức năng có thẩm quyền tiến hành xác minh mà chưa có kết quả xác minh thì FUBON phải chủ động tiến hành xác minh, xem xét giải quyết bồi thường trên cơ sở tài liệu, chứng cứ thu thập được.

5.2.4. Trường hợp từ chối bồi thường, FUBON phải giải thích bằng văn bản lý do từ chối bồi thường trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày FUBON nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ;

5.2.5. Phối hợp chặt chẽ với Người được bảo hiểm/ Chủ xe và cơ quan chức năng để giải quyết tổn thất;

5.2.6. Đối với những vụ tổn thất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng, khi có yêu cầu của Bên mua bảo hiểm/ chủ xe, FUBON sẽ phối hợp giải quyết ngay và khi đã xác định trách nhiệm thuộc phạm vi bảo hiểm FUBON có thể tạm ứng ngay một phần những chi phí cần thiết nhằm ngăn ngừa hoặc khắc phục hậu quả tổn thất.

5.2.7. FUBON có trách nhiệm hướng dẫn Bên mua bảo hiểm/ Chủ xe thu thập tài liệu để lập hồ sơ bồi thường theo quy định tại Điều 7 quy tắc này.

5.2.8. FUBON có trách nhiệm đánh giá lại rủi ro và định phí bảo hiểm trong vòng 5 ngày kể từ ngày nhận được thông báo thay đổi các yếu tố liên quan đến rủi ro của xe được bảo hiểm và có trách nhiệm hoàn phí hoặc thu thêm phí theo tỷ lệ tương ứng với thời hạn còn lại của Hợp đồng bảo hiểm

5.2.9. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 6: GIÁM ĐỊNH TỒN THẤT

6.1 Khi xảy ra sự kiện bảo hiểm và thuộc trách nhiệm bảo hiểm của FUBON, FUBON hoặc người được FUBON ủy quyền thực hiện việc giám định tổn thất nhằm xác định nguyên nhân và mức độ tổn thất về tài sản với sự có mặt của Bên mua bảo hiểm hoặc Người được bảo hiểm hoặc chủ xe hoặc lái xe tại thời điểm xảy ra tổn thất, các bên có liên quan hoặc người đại diện hợp pháp của các bên có liên quan. Kết quả giám định phải lập thành văn bản có chữ ký của các thành phần tham gia giám định. FUBON chịu trách nhiệm về chi phí giám định tổn thất.

6.2 Trường hợp các bên không thống nhất về nguyên nhân và mức độ thiệt hại, các bên có thể trưng cầu giám định viên độc lập trừ trường hợp có thỏa thuận khác trong Hợp đồng bảo hiểm. Trong trường hợp các bên không thỏa thuận được việc trưng cầu giám định viên độc lập thì một trong các bên được yêu cầu Tòa án nơi xảy ra tổn thất hoặc nơi cư trú của Người được bảo hiểm để chỉ định giám định viên độc lập. Kết luận của giám định viên độc lập có giá trị bắt buộc đối với các bên.

6.3 Trường hợp kết luận của giám định viên độc lập khác với kết luận giám định của FUBON, FUBON sẽ trả chi phí giám định viên độc lập. Trường hợp kết luận của giám định viên độc lập trùng với kết luận giám định của FUBON, Bên mua bảo hiểm/ Người được bảo hiểm/ Chủ xe/ Lái xe phải trả chi phí giám định độc lập.

6.4 Trong trường hợp đặc biệt FUBON không thể thực hiện được việc giám định, FUBON có trách nhiệm hướng dẫn Bên mua bảo hiểm/ Người được bảo hiểm/ Chủ xe/ Lái xe thu thập đầy đủ thông tin chi tiết về nguyên nhân, diễn biến, mức độ thiệt hại cùng các chứng từ, ảnh chụp thiệt hại và tài liệu liên quan để làm căn cứ xác định bồi thường.

6.5 FUBON được căn cứ vào các biên bản, kết luận của các cơ quan chức năng có thẩm quyền và các tài liệu liên quan để xác định nguyên nhân và mức độ thiệt hại.

ĐIỀU 7: HỒ SƠ BỒI THƯỜNG

Khi xảy ra sự kiện bảo hiểm, Người được bảo hiểm/Chủ xe phải cung cấp những giấy tờ sau (Bản sao có xác nhận của FUBON sau khi đã đối chiếu với bản chính hoặc bản sao có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền):

7.1. Thông báo tổn thất và yêu cầu bồi thường / trả tiền bảo hiểm (theo mẫu của FUBON);

7.2. Tài liệu liên quan đến xe, lái xe như sau:

- Giấy chứng nhận bảo hiểm và/hoặc Hợp đồng bảo hiểm và các thỏa thuận khác bằng văn bản (nếu có);
- Giấy đăng ký xe, giấy phép lái xe hợp lệ của lái xe bị tổn thất
- Các giấy tờ liên quan đến mua bán, chuyển nhượng, cho, tặng, ủy quyền sử dụng xe (nếu xe chuyển đổi chủ sở hữu);
- Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ hợp lệ và còn hiệu lực (đối với xe theo quy định của pháp luật bắt buộc phải có) ngoại trừ trường hợp xe lưu hành tạm thời có văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền hoặc hoạt động trong thời gian thực hiện thủ tục đăng ký, kiểm định lần đầu tiên tại Việt Nam.

7.3. Tài liệu chứng minh thiệt hại về tài sản, bao gồm:

- Hóa đơn, chứng từ hợp lệ về việc sửa chữa, thay mới tài sản bị thiệt hại do tai nạn giao thông gây ra do Bên mua bảo hiểm/Chủ xe/Lái xe thực hiện tại các cơ sở do FUBON chỉ định hoặc được sự đồng ý của FUBON. Trường hợp cơ sở sửa chữa và FUBON có Hợp đồng hợp tác thì FUBON có trách nhiệm thu thập các hóa đơn, chứng từ liên quan.
- Các giấy tờ chứng minh chi phí cần thiết và hợp lý mà Bên mua bảo hiểm/chủ xe/ lái xe đã chi ra để giảm thiểu tổn thất hay để thực hiện theo chỉ dẫn của FUBON.

7.4. Tài liệu trong trường hợp tổn thất do tai nạn có sự tham gia giải quyết của cơ quan công an: Bản sao có xác nhận của cơ quan công an, bao gồm:

- Biên bản khám nghiệm hiện trường vụ tai nạn (nếu có).
- Sơ đồ hiện trường, bản ảnh (nếu có).
- Biên bản khám nghiệm phương tiện liên quan đến tai nạn (nếu có).
- Thông báo sơ bộ kết quả điều tra ban đầu vụ tai nạn giao thông (nếu có).
- Biên bản giải quyết tai nạn (nếu có); Bản kết luận điều tra tai nạn (nếu có).
- Quyết định của tòa án (nếu có).
- Biên bản thỏa thuận/hòa giải (trong trường hợp hòa giải)

FUBON hỗ trợ Bên mua bảo hiểm thu thập các tài liệu nói trên trong khả năng khi cần thiết.

7.5. Các tài liệu liên quan đến trách nhiệm của người thứ ba (nếu có):

Các tài liệu cần thiết bao gồm các tài liệu liên quan đến trách nhiệm của Bên thứ ba để chuyển quyền cho FUBON đòi bồi thường từ bên gây thiệt hại cho xe được bảo hiểm mà Bên mua bảo hiểm đã được FUBON giải quyết bồi thường.

7.6. Biên bản giám định thiệt hại được các bên thống nhất. Nếu tổn thất do FUBON giám định, Người được bảo hiểm/ chủ xe không phải cung cấp tài liệu này.

7.7. Trường hợp tổn thất do bị mất trộm, mất cướp toàn bộ:

- Xác nhận của cơ quan công an trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm xảy ra tổn thất.
- Đơn trình báo mất trộm, mất cướp với cơ quan công an có xác nhận của cơ quan công an;
- Quyết định khởi tố và điều tra hình sự (nếu có) liên quan đến mất trộm, mất cướp ô tô được bảo hiểm;



- Quyết định đình chỉ điều tra, đình chỉ khởi tố vụ án hình sự liên quan đến mất trộm, mất cướp ô tô được bảo hiểm (nếu có);
- Khai báo bị mất giấy tờ, tài liệu liên quan đến xe bị mất cắp, mất cướp khi để trên xe có xác nhận của cơ quan công an (nếu có).

7.8. Các tài liệu khác có liên quan nếu có).

ĐIỀU 8: BẢO HIỂM TRÙNG

Bảo hiểm trùng là trường hợp Bên mua bảo hiểm giao kết Hợp đồng bảo hiểm với hai doanh nghiệp bảo hiểm trở lên cho cùng một đối tượng bảo hiểm với cùng điều kiện bảo hiểm và sự kiện bảo hiểm. Tổng số tiền bồi thường của các của các doanh nghiệp bảo hiểm không vượt quá giá trị thiệt hại thực tế của xe ô tô được bảo hiểm. Việc giải quyết bồi thường thực hiện theo nguyên tắc sau:

8.1. Đối với những điều kiện bảo hiểm và sự kiện bảo hiểm trùng của các Hợp đồng bảo hiểm, FUBON chỉ chịu trách nhiệm bồi thường theo tỷ lệ giữa số tiền bảo hiểm đã thỏa thuận trên tổng số tiền bảo hiểm của tất cả các Hợp đồng bảo hiểm mà Bên mua bảo hiểm/ chủ xe đã giao kết.

8.2. Đối với những điều kiện bảo hiểm và sự kiện bảo hiểm không trùng nhau của các Hợp đồng bảo hiểm, FUBON chịu trách nhiệm bồi thường theo Hợp đồng bảo hiểm đã ký kết với FUBON.

ĐIỀU 9: THỜI HẠN YÊU CẦU BỒI THƯỜNG, KHIẾU NẠI VÀ THỜI HIỆU KHỞI KIẾN

9.1 Thời hạn yêu cầu bồi thường theo hợp đồng bảo hiểm của Bên mua bảo hiểm/Chủ xe là một (01) năm kể từ ngày xảy ra sự kiện bảo hiểm. Thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan khác không tính vào thời hạn yêu cầu bồi thường.

9.2 Thời hạn khiếu nại về quyết định bồi thường của FUBON là 90 (chín mươi) ngày kể từ khi Chủ xe /lái xe nhận được thông báo giải quyết bồi thường của FUBON ngoại trừ trường hợp người khiếu nại không thực hiện được quyền theo đúng thời hiệu vì ốm đau, thiên tai, địch họa, đi công tác, học tập ở xa hoặc vì những trở ngại khách quan khác thì thời gian có trở ngại đó không tính vào thời hiệu khiếu nại. Quá thời hạn này, FUBON sẽ không giải quyết khiếu nại.

9.3 Thời hiệu khởi kiện về hợp đồng bảo hiểm là ba (03) năm kể từ thời điểm phát sinh tranh chấp.

9.4 Mọi tranh chấp phát sinh từ Hợp đồng bảo hiểm, nếu FUBON và chủ xe không giải quyết được bằng thương lượng sẽ được đưa ra Tòa án tại Việt Nam giải quyết.

PHẦN III QUY ĐỊNH CỤ THỂ

ĐIỀU 10: ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI BẢO HIỂM

10.1 Đối tượng bảo hiểm là giá trị vật chất của xe.

10.2 Phạm vi bảo hiểm:

a. FUBON bồi thường cho chủ xe những thiệt hại vật chất xảy ra cho xe được bảo hiểm do thiên tai, tai nạn bất ngờ hoặc bị mất trộm, mất cướp toàn bộ không lường trước được trong những trường hợp sau đây:

- Tai nạn do đâm va (bao gồm cả va chạm với vật thể khác), lật, đổ, chìm, rơi toàn bộ xe, hoặc bị các vật thể khác rơi vào.
- Hoả hoạn, cháy, nổ
- Những thiệt hại do thiên tai.
- Mất toàn bộ xe ô tô do trộm, cướp.

b. Ngoài số tiền bồi thường, FUBON còn bồi thường cho Người được bảo hiểm những chi phí cần thiết và hợp lý khác theo thỏa thuận tại Hợp đồng bảo hiểm để thực hiện các công việc theo yêu cầu và chỉ dẫn của FUBON khi xảy ra tổn thất (thuộc phạm vi bảo hiểm), bao gồm các chi phí:

- Ngăn ngừa hạn chế tổn thất phát sinh thêm.
- Chi phí kéo xe về nơi sửa chữa

c. Trong mọi trường hợp, tổng số tiền bồi thường của FUBON (bao gồm cả chi phí cần thiết và hợp lý khác) không vượt quá số tiền bảo hiểm đã ghi trong Hợp đồng bảo hiểm.

ĐIỀU 11: LOẠI TRỪ BẢO HIỂM

FUBON không chịu trách nhiệm bồi thường những tổn thất xảy ra trong các trường hợp hoặc gây ra bởi các nguyên nhân sau:

11.1 Hành động cố ý gây thiệt hại của Chủ xe, Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm hoặc Lái xe và những người có quyền lợi liên quan đến sở hữu, khai thác hoặc sử dụng xe hoặc của người bị hại.

11.2 Xe được điều khiển bởi người không phải là Lái xe được phép.

11.3 Thiệt hại gây ra hậu quả gián tiếp như: giảm giá trị thương mại, thiệt hại gắn liền với việc sử dụng và khai thác tài sản bị thiệt hại.

11.4 Chiến tranh nội chiến, cách mạng, phản loạn, quần chúng nổi dậy, bất kỳ kẻ khủng bố và người nào hành động với mục đích chính trị, khủng bố

11.5 Thiệt hại tổn thất hoặc phí tổn phát sinh từ việc sử dụng bất kỳ vũ khí chiến tranh hạt nhân nguyên tử hoặc sự phân hạch và/hoặc tổng hợp hạt nhân hoặc những phản ứng khác hoặc năng lượng phóng xạ hoặc tương tự.

11.6 Tại thời điểm xe tham gia giao thông hoặc đang vận hành xảy ra tổn thất, thiệt hại, xe không có giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ hợp lệ theo quy định của pháp luật hiện hành.

11.7 Xe thay đổi đặc trưng kỹ thuật chưa được cơ quan Nhà nước cho phép và hoặc chưa thông báo bằng văn bản cho FUBON và hoặc chưa được FUBON chấp nhận tiếp tục bảo hiểm.



11.8 Lái xe điều khiển xe mà trong cơ thể có chất ma túy hoặc trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn, vượt quá qui định cho phép của pháp luật hiện hành

11.9 Xe chở hàng trái phép, hàng cấm hoặc không thực hiện đầy đủ các quy định về vận chuyển, xếp dỡ hàng hóa theo quy định của pháp luật.

11.10 Đua thể thao, đua xe (bao gồm đua hợp pháp và trái phép), tham gia diễu hành, tuần hành, chạy thử sau khi sửa chữa; xe được bảo hiểm dùng để kéo xe khác không tuân thủ quy định của pháp luật.

11.11 Xe đi vào đường cấm, khu vực cấm, đường ngược chiều, vượt đèn đỏ, rẽ, quay đầu, chuyển hướng xe tại nơi bị cấm hoặc không chấp hành hiệu lệnh của người điều khiển giao thông; xe đi đêm không có thiết bị chiếu sáng hoặc thiết bị chiếu sáng không đảm bảo theo qui định.

11.12 Tồn thất xảy ra ngoài lãnh thổ nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam (Fubon sẽ nhận bảo hiểm nếu bên mua bảo hiểm có nhu cầu tham gia bảo hiểm và đã đóng phí bảo hiểm bổ sung – nếu có).

11.13 Xe chở quá tải trọng hoặc quá số lượng người từ 50% trở lên (không bao gồm trẻ em dưới 07 tuổi) theo quy định trên giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ (đối với xe chở hàng căn cứ vào tải trọng, xe chở người căn cứ vào số người chở trên xe, đối xe vừa chở người vừa chở hàng căn cứ vào tải trọng hoặc số người chở trên xe);

11.14 Tồn thất đối với đề can (tem xe) không nguyên bản và/hoặc các bộ phận/phụ kiện/thiết bị lắp thêm trên xe ngoài các thiết bị của nhà sản xuất đã lắp ráp (không bao gồm các thiết bị mang tính chất bảo vệ cho xe: hệ thống báo động, cản trước, cản sau) hoặc tồn thất về xe ô tô do các thiết bị lắp thêm trên xe ngoài các thiết bị của nhà sản xuất đã lắp ráp gây ra trừ các thiết bị lắp thêm theo quy định (Fubon sẽ nhận bảo hiểm nếu bên mua bảo hiểm có nhu cầu tham gia bảo hiểm và đã đóng phí bảo hiểm bổ sung – nếu có).

11.15 Tồn thất do hao mòn hồng học tự nhiên hoặc do bản chất vốn có của tài sản phát sinh từ hoạt động của xe hoặc bản chất vốn có của xe.

11.16 Mất giá, giảm dần chất lượng, hồng học do khuyết tật cho dù có Giấy Chứng nhận Kỹ thuật & Môi trường.

11.17 Tồn thất đối với máy móc, hệ thống điều hòa, radio, sấm lốp, bạt thùng xe, đề can, chụp đầu trục bánh xe, chắn bùn, chữ nhãn hiệu biểu tượng của nhà sản xuất, trừ trường hợp tồn thất này xảy ra cùng một nguyên nhân và đồng thời với các bộ phận khác trong cùng một vụ tai nạn.

11.18 Xe bị tai nạn sau khi sửa chữa hoặc đại tu, cải tạo mới mà chưa đi đăng kiểm lại theo quy định của pháp luật.

11.19 Mất cắp bộ phận của xe do bị trộm hoặc bị cướp (Fubon sẽ nhận bảo hiểm nếu bên mua bảo hiểm có nhu cầu tham gia bảo hiểm và đã đóng phí bảo hiểm bổ sung – nếu có).

11.20 Tồn thất động cơ xe do hoạt động trong vùng bị ngập nước hoặc do nước vào động cơ gây nên hiện tượng thủy kích phá hỏng động cơ xe (Fubon sẽ nhận bảo hiểm nếu bên mua bảo hiểm có nhu cầu tham gia bảo hiểm và đã đóng phí bảo hiểm bổ sung – nếu có)

11.21 Hư hỏng thêm do sửa chữa, trong quá trình sửa chữa

11.22 Xe bị mất không rõ nguyên nhân hoặc mất do hành vi lừa đảo, chiếm dụng, lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt xe (xe cho thuê hoặc xe cho mượn hoặc siết nợ tranh chấp), tranh chấp dân sự, hoặc hư hỏng bộ phận xe không rõ nguyên nhân.

11.23 Tồn thất về các thiết bị chuyên dùng trên xe được bảo hiểm hoặc tồn thất xe được bảo hiểm do hoạt động (trong mọi trường hợp) của các thiết bị chuyên dùng của chính xe được bảo hiểm gây ra. (Fubon sẽ nhận bảo hiểm nếu bên mua bảo hiểm có nhu cầu tham gia bảo hiểm và đã đóng phí bảo hiểm bổ sung – nếu có)

11.24 Thiệt hại xảy ra đối với hệ thống điện, máy móc, dụng cụ điện hay các bộ phận của thiết bị điện do chạy quá tải, quá áp lực, đoản mạch, tự đốt nóng, hồ quang điện hay rò điện do bất kỳ nguyên nhân nào;

ĐIỀU 12: GIẢI QUYẾT BỒI THƯỜNG

12.1 Tồn thất bộ phận

12.1.1 FUBON chịu trách nhiệm thanh toán chi phí thực tế, hợp lý để sửa chữa, thay thế bộ phận (trường hợp không thể sửa chữa được) hoặc trả bằng tiền cho Chủ xe để bù đắp tổn thất thuộc phạm vi bảo hiểm trên cơ sở xác định được chi phí hợp lý để sửa chữa, khắc phục tổn thất sau khi áp dụng mức khấu trừ.

12.1.2. Cách xác định số tiền bồi thường

a. Trường hợp xe được bảo hiểm dưới giá trị, số tiền bồi thường sẽ được tính theo tỷ lệ giữa số tiền bảo hiểm và giá thị trường của xe tại thời điểm giao kết hợp đồng;

b. Trường hợp xe được bảo hiểm bằng giá trị, số tiền bồi thường bằng chi phí hợp lý để phục hồi, sửa chữa xe bị tổn thất. Cách xác định chi phí hợp lý cho bộ phận hư hỏng phải thay thế mới được tính bằng chi phí thay thế thực tế trừ đi số tiền khấu hao, cụ thể như sau:

- Xe sử dụng dưới 03 năm: khấu hao 0%

- Xe sử dụng từ 03 đến dưới 06 năm: khấu hao 15% giá trị bộ phận thay mới.

- Xe sử dụng từ 06 năm đến dưới 10 năm: khấu hao 25% giá trị bộ phận thay mới.

- Xe sử dụng từ 10 năm đến dưới 15 năm: khấu hao 35% giá trị bộ phận thay mới.

- Xe sử dụng từ 15 năm: khấu hao 50% giá trị bộ phận thay mới.

c. Đối với các loại xe như: Đầu kéo, Taxi, xe cho thuê tự lái, xe khách liên tỉnh.

Đối với các loại xe này, mức tính khấu hao tất cả các bộ phận là 150% so với các mức khấu hao của các loại xe thông dụng tại mục b trên.

Lưu ý:

- Số năm để tính khấu hao được xác định tính từ năm đăng ký lần đầu tại Việt Nam đến năm giao kết hợp đồng bảo hiểm. Hiện nay có một số loại xe được nhập khẩu vào Việt Nam dưới dạng đã qua sử dụng, trong trường hợp này được xác định theo năm



đăng ký lần đầu của xe tuy nhiên được tính bắt đầu từ giá trị còn lại 85% (theo tiêu chuẩn nhập khẩu vào Việt Nam) thay vì 100% như xe mới.

- Trường hợp phụ tùng thay thế mới đã được thay thế một lần thì thời gian tính khấu hao tính từ thời điểm thay thế gần nhất đến khi bị tai nạn (Tuy nhiên lần thay thế trước phải là thay thế mới và có đầy đủ chứng từ để chứng minh việc thay thế mới này).

- Tất cả các xe không mua điều khoản bảo hiểm bổ sung “**Bảo hiểm không tính khấu hao khi thay mới**” hoặc có năm sử dụng từ 03 (ba) năm trở lên đều áp dụng các quy định trên.

d. FUBON bồi thường chi phí sơn lại toàn bộ xe nếu trên 50% diện tích sơn của xe bị hư hỏng / tổn thất và theo nguyên tắc tính bồi thường quy định tại mục 12.1.2a, 12.1.2b Điều 12 Quy tắc này

12.2 Tổn thất toàn bộ:

12.2.1. FUBON bồi thường tổn thất toàn bộ khi xe bị thiệt hại trên 75% giá thị trường của tài sản được bảo hiểm tại thời điểm, nơi xảy ra tổn thất và mức độ thiệt hại thực tế ; hoặc chi phí sửa chữa thiệt hại bằng hoặc trên 75% giá thị trường của tài sản được bảo hiểm tại thời điểm, nơi xảy ra tổn thất và mức độ thiệt hại thực tế

a. Nếu số tiền bảo hiểm bằng hoặc thấp hơn giá thị trường của tài sản được bảo hiểm tại thời điểm giao kết hợp đồng thì FUBON sẽ bồi thường cho chủ xe bằng giá thị trường của tài sản được bảo hiểm tại thời điểm, nơi xảy ra tổn thất và mức độ thiệt hại thực tế nhưng không vượt quá số tiền bảo hiểm.

b. Nếu xe được bảo hiểm trên giá thị trường của tài sản được bảo hiểm tại thời điểm giao kết hợp đồng , FUBON bồi thường bằng giá thị trường của tài sản được bảo hiểm tại thời điểm, nơi xảy ra tổn thất và mức độ thiệt hại thực tế nhưng không vượt quá số tiền bảo hiểm.

12.2.2. Xe bị tổn thất toàn bộ do mất trộm, mất cướp hoặc mất do thiên tai:

Trường hợp quá 60 (sáu mươi) ngày mà xe bị mất trộm, mất cướp hoặc mất do thiên tai không tìm được, FUBON sẽ bồi thường cho chủ xe bằng giá trị của xe tại thời điểm xảy ra tổn thất nhưng không vượt quá số tiền bảo hiểm và theo các quy định tại Điều 12.2.1 nói trên.

FUBON có trách nhiệm bồi thường tổn thất toàn bộ xe bị mất trộm, mất cướp khi có kết luận của cơ quan công an định chỉ điều tra hoặc định chỉ khởi tố hình sự liên quan đến mất trộm, mất cướp của chính chiếc xe đó.

12.2.3. Số tiền bồi thường tổn thất toàn bộ bằng giá thị trường của tài sản được bảo hiểm tại thời điểm, nơi xảy ra tổn thất và mức độ thiệt hại thực tế với cùng chủng loại và thông số kỹ thuật và không vượt quá số tiền ghi trên Giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc Hợp đồng bảo hiểm.

12.3. Bồi thường theo tỷ lệ giữa số phí thực nộp và số phí phải nộp theo quy định trong trường hợp:

a. Bên mua bảo hiểm kê khai giấy yêu cầu bảo hiểm sai (không đúng mục đích sử dụng của xe) làm thu thiếu phí bảo hiểm so với quy định;

b. Bên mua bảo hiểm không thông báo cho FUBON trong trường hợp có sự gia tăng mức độ rủi ro bảo hiểm để bổ sung phí bảo hiểm (như chuyên đổi mục đích sử dụng, hoán cải, nâng cấp làm tăng giá xe) hoặc thông báo sau 15 ngày kể từ ngày thay đổi và tổn thất đã xảy ra trước thời điểm thông báo.

12.4 Thu hồi tài sản sau bồi thường:

Khi FUBON đã bồi thường tổn thất bộ phận hoặc toàn bộ xe thì bộ phận hư hỏng hoặc toàn bộ xe đó thuộc quyền sở hữu của FUBON, cụ thể:

a. Đối với trường hợp bồi thường thay mới bộ phận, FUBON sẽ thu hồi bộ phận hư hỏng đã được trả tiền bồi thường thay mới (kể cả trường hợp trừ khấu hao).

b. Đối với trường hợp bồi thường tổn thất toàn bộ, sau khi FUBON đã thay thế hoặc bồi thường toàn bộ theo giá thị trường của tài sản thì toàn bộ giá trị thu hồi chiếc xe bị tổn thất thuộc sở hữu của FUBON. Trường hợp FUBON không bồi thường toàn bộ giá thị trường của tài sản thì FUBON thu hồi phần giá trị tương đương theo tỷ lệ giữa số tiền bồi thường và giá thị trường của tài sản. Trường hợp chủ xe có yêu cầu nhận lại chiếc xe bị tổn thất toàn bộ, FUBON sẽ giảm số tiền bồi thường tổn thất toàn bộ tương đương giá trị thu hồi chiếc xe bị tổn thất theo định giá của FUBON.

c. Đối với trường hợp bồi thường xe bị mất trộm, mất cướp hoặc mất do thiên tai sau đó tìm lại được xe bị mất thì FUBON được quyền sở hữu toàn bộ chiếc xe đó.

12.5. Nếu xe được bảo hiểm đồng thời được bảo hiểm bởi bất kỳ một hoặc nhiều Hợp đồng bảo hiểm nào khác, FUBON sẽ áp dụng nguyên tắc giải quyết bồi thường trong trường hợp có bảo hiểm trùng theo quy định tại Điều 8.

ĐIỀU 13: MỨC KHẤU TRỪ

Mức khấu trừ là số tiền được ấn định trên Giấy chứng nhận bảo hiểm và Hợp đồng bảo hiểm mà Người được bảo hiểm/ Chủ xe phải tự gánh chịu trong mỗi và mọi vụ tổn thất bộ phận của xe tham gia bảo hiểm vật chất xe tại FUBON.

Mức khấu trừ tối thiểu là **500.000 (năm trăm ngàn) đồng/vụ**. Trường hợp áp dụng mức khấu trừ cao hơn, mức khấu trừ sẽ được quy định cụ thể trong Hợp đồng bảo hiểm/ Giấy chứng nhận bảo hiểm.

ĐIỀU 14: CÁC TRƯỜNG HỢP GIÁM TRỪ BỒI THƯỜNG MỘT PHẦN HOẶC TOÀN BỘ

FUBON có quyền giảm trừ bồi thường một phần hoặc toàn bộ thiệt hại đối với chủ xe trong các trường hợp sau:

14.1 Giảm trừ 10% đến 30% số tiền bồi thường nếu:

a. Người được bảo hiểm, Chủ xe, lái xe không thông báo tổn thất cho FUBON trong vòng 05 ngày (bằng văn bản) hoặc trong vòng 24 giờ nếu xe bị mất trộm, mất cướp, mất do thiên tai (trừ trường hợp chậm trễ do nguyên nhân khách quan và bất khả kháng theo quy định của pháp luật hoặc đã được FUBON giám định thiệt hại trong thời gian này)

b. Người được bảo hiểm, Chủ xe, lái xe không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ các biện pháp cứu chữa, ngăn ngừa hợp lý theo chỉ dẫn của FUBON hoặc trong khả năng nhằm hạn chế thiệt hại về người và tài sản, không bảo vệ hiện trường tổn thất, không thông báo ngay cho cơ quan công an hoặc chính quyền địa phương nơi gần nhất, không thông báo ngay cho FUBON trừ trường hợp di chuyển để đảm bảo an toàn hoặc phải thi hành theo yêu cầu của cơ quan chức năng.



c. Lái xe điều khiển xe mà trong cơ thể có chất ma túy hoặc trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn, vượt quá qui định cho phép của pháp luật hiện hành ngoại trừ trường hợp quy định tại Điều 11.8.

d. Người được bảo hiểm, Chủ xe, lái xe tự ý di chuyển, tháo gỡ hoặc sửa chữa xe bị tai nạn khi chưa được sự chấp thuận của FUBON (trừ trường hợp cần thiết để đảm bảo an toàn, đề phòng hạn chế thiệt hại về người và tài sản hoặc phải thi hành theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền). Trường hợp Người được bảo hiểm, Chủ xe, lái xe tự ý sửa chữa xe khi chưa có sự chấp thuận của FUBON, FUBON có quyền thẩm định lại chi phí và quyết định mức chi phí hợp lý tương ứng với tổn thất thực tế.

14.2 Giảm trừ từ 50% đến 100% số tiền bồi thường tùy theo mức độ lỗi của Người được bảo hiểm, Chủ xe, lái xe trong trường hợp:

a. Người được bảo hiểm, Chủ xe không bảo lưu quyền khiếu nại; và hoặc không thực hiện chuyển quyền đòi bồi thường bên thứ ba cho FUBON để thực hiện quyền yêu cầu bên thứ ba bồi hoàn hoặc tự động thương lượng bồi thường với bên thứ ba;

b. Người được bảo hiểm, Chủ xe, lái xe không trung thực trong việc cung cấp các thông tin, tài liệu, chứng từ trong hồ sơ bồi thường;

14.3 Trường hợp xe chở quá khổ, quá tải, quá số người quy định từ trên 20% đến dưới 50% theo Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ hoặc quy định của pháp luật, FUBON giảm số tiền bồi thường tương ứng với tỷ lệ % quá khổ, quá tải, quá số người quy định trừ trường hợp quy định tại Điều 11.13. Trường hợp chủ xe vượt quá tốc độ cho phép theo quy định của pháp luật vượt quá từ 20% trở lên, FUBON giảm số tiền bồi thường tương ứng với tỷ lệ % quá tốc độ.

14.4 Nguyên tắc giảm trừ số tiền bồi thường: Khi Người được bảo hiểm bị giảm trừ số tiền bồi thường theo nhiều tỷ lệ khác nhau cho các hành vi vi phạm khác nhau như quy định nói trên, FUBON sẽ lựa chọn áp dụng duy nhất một loại giảm trừ số tiền bồi thường theo tỷ lệ cao nhất.

PHẦN IV

BẢO HIỂM TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ TỰ NGUYỄN CỦA CHỦ XE Ô TÔ ĐỐI VỚI BÊN THỨ BA VƯỢT MỨC BẢO HIỂM BẮT BUỘC

ĐIỀU 15: ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI BẢO HIỂM

15.1 Đối tượng bảo hiểm:

Là trách nhiệm dân sự của chủ xe đối với thân thể, tính mạng, tài sản bên thứ ba (không bao gồm lái xe, phụ xe, người ngồi trên xe) phát sinh do lỗi của xe được bảo hiểm.

15.2 Phạm vi bảo hiểm:

a. FUBON sẽ bồi thường cho Người được bảo hiểm phần trách nhiệm pháp lý vượt quá mức trách nhiệm của bảo hiểm bắt buộc TNDS của Chủ xe ô tô phát sinh do lỗi của xe được bảo hiểm gây ra tai nạn dẫn đến tổn thất về thân thể, tính mạng, tài sản của bên thứ ba.

b. Ngoài ra FUBON còn chịu trách nhiệm thanh toán chi phí cần thiết hợp lý của chủ xe nhằm ngăn ngừa giảm nhẹ tổn thất cho người, tài sản của bên thứ ba theo chỉ dẫn của FUBON.

c. Tổng số tiền bồi thường và các chi phí trên không vượt quá số tiền bảo hiểm.

ĐIỀU 16: LOẠI TRỪ BẢO HIỂM

FUBON không chịu trách nhiệm bồi thường những tổn thất xảy ra trong các trường hợp hoặc gây ra bởi các nguyên nhân sau:

16.1 Hành động cố ý gây thiệt hại của chủ xe, lái xe và những người có quyền lợi liên quan đến sở hữu, khai thác hoặc sử dụng xe hoặc của người bị hại.

16.2 Lái xe bỏ trốn sau khi gây tai nạn.

16.3 Xe được điều khiển bởi người không phải là Lái xe được phép.

16.4 Thiệt hại gây ra hậu quả gián tiếp như: giảm giá trị thương mại, thiệt hại gắn liền với việc sử dụng và khai thác tài sản bị thiệt hại.

16.5 Thiệt hại đối với tài sản bị mất cắp hoặc bị cướp trong tai nạn

16.6 Chiến tranh nội chiến, cách mạng, phản loạn, đình công, hành vi gây rối trật tự công cộng, quần chúng nổi dậy, bất kỳ kẻ khủng bố và người nào hành động với mục đích chính trị.

16.7 Bom, mìn hoặc các công cụ chiến tranh khác.

16.8 Thiệt hại tổn thất hoặc phí tổn phát sinh từ việc sử dụng bất kỳ vũ khí chiến tranh hạt nhân nguyên tử hoặc sự phân hạch và/hoặc tổng hợp hạt nhân hoặc những phản ứng khác hoặc năng lượng phóng xạ hoặc tương tự.

16.9 Thiệt hại đối với tài sản đặc biệt bao gồm: vàng, bạc, đá quý, tiền, các loại giấy tờ có giá trị như tiền, đồ cổ, tranh ảnh quý hiếm, thi hài, hài cốt.

16.10 Tại thời điểm xe tham gia giao thông hoặc đang vận hành xảy ra tổn thất, xe không có giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và môi trường theo qui định của pháp luật hoặc có nhưng đã hết hiệu lực.

16.11 Xe thay đổi đặc trưng kỹ thuật chưa được cơ quan Nhà nước cho phép và hoặc chưa thông báo bằng văn bản cho FUBON và hoặc chưa được FUBON chấp nhận tiếp tục bảo hiểm.

16.12 Lái xe có nồng độ cồn, rượu, bia, sử dụng ma túy hoặc các chất kích thích khác trong máu hoặc khí thở tại thời điểm điều khiển xe gây tai nạn vượt quá qui định cho phép của pháp luật hiện hành.

16.13 Xe chở hàng trái phép, hàng cấm hoặc không thực hiện đầy đủ các quy định về vận chuyển, xếp dỡ hàng hóa theo quy định của pháp luật.



16.14 Xe sử dụng để tập lái, đua thể thao, đua xe (bao gồm đua hợp pháp và trái phép), tham gia diễu hành, tuần hành, chạy thử sau khi sửa chữa (trừ khi có thỏa thuận khác); xe được bảo hiểm dùng để kéo xe khác có thu tiền hoặc không tuân thủ quy định của pháp luật.

16.15 Xe đi vào đường cấm, khu vực cấm, đường ngược chiều, vượt đèn đỏ, chuyển hướng xe tại nơi bị cấm hoặc không chấp hành hiệu lệnh của người điều khiển giao thông; xe đi đêm không có thiết bị chiếu sáng hoặc thiết bị chiếu sáng không đảm bảo theo qui định.

16.16 Tai nạn xảy ra ngoài lãnh thổ nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam (trừ khi có thỏa thuận khác).

16.17 Xe chở quá trọng tải hoặc quá số lượng hành khách qui định là nguyên nhân gây tai nạn hoặc xe chở quá 20% trọng tải hoặc số lượng người quy định trở lên.

16.18 Tốc độ xe vượt quá tốc độ cho phép 60% trở lên hoặc do quá tốc độ cho phép từ 20% trở lên mà gây ra tai nạn.

16.19 Phần thiệt hại tăng thêm do chủ xe, lái xe không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ các biện pháp cứu chữa, ngăn ngừa hợp lý theo chỉ dẫn của FUBON hoặc trong khả năng nhằm hạn chế thiệt hại.

16.20 Xe thay đổi mục đích sử dụng mà không thông báo trước cho FUBON.

16.21 Động đất.

16.22 Mức miễn thường quy định trong Hợp đồng bảo hiểm.

16.23 Xe bị tai nạn sau khi sửa chữa hoặc đại tu, cải tạo mới mà chưa đi đăng kiểm lại theo qui định của pháp luật.

16.24 Loại trừ thiệt hại, tổn thất do xe cho thuê tự lái gây ra (trừ khi có thỏa thuận khác).

16.25 Thiệt hại về tài sản thuộc quyền sở hữu của hoặc được ủy thác bởi hoặc thuộc sự trông nom, quản lý hay kiểm soát của:

- a. Người được bảo hiểm hoặc thành viên của gia đình Người được bảo hiểm;
- b. Lái xe được phép hoặc bất cứ thành viên trong gia đình của Người lái xe được phép.

16.26 Các chi phí (bao gồm cả chi phí tố tụng) mà nguyên đơn truy đòi từ Người được bảo hiểm.

ĐIỀU 17. NGUYÊN TẮC GIẢI QUYẾT BỒI THƯỜNG

Việc bồi thường căn cứ theo thiệt hại thực tế và theo mức độ lỗi của chủ xe, lái xe được bảo hiểm đối với thiệt hại của Bên thứ ba và phải tuân thủ các nguyên tắc sau:

17.1 Thiệt hại về người

- a. Tử vong:

Trường hợp xảy ra chết người, FUBON sẽ trả cho Người được bảo hiểm số tiền bồi thường vượt mức trách nhiệm của bảo hiểm bắt buộc TNDS chủ xe ô tô theo quy định của pháp luật nhưng không vượt quá số tiền bảo hiểm và không vượt quá số tiền bồi thường theo thỏa thuận giữa các bên và FUBON hoặc phán quyết của Tòa án.

- b. Thương tật

FUBON sẽ bồi thường theo từng thương tật tương ứng với tỷ lệ trả tiền bảo hiểm được quy định trong Bảng tỷ lệ trả tiền bảo hiểm thương tật ban hành kèm theo Quy tắc này. Tổng số tiền bồi thường cho toàn bộ thương tật đến mức giới hạn trách nhiệm của trường hợp tử vong.

Số tiền bồi thường = (Tỷ lệ trả tiền x Mức trách nhiệm tự nguyện) x Tỷ lệ lỗi ≤ Số tiền vượt quá quyền lợi thuộc Mức trách nhiệm bắt buộc mà chủ xe đã bồi thường.

17.2 Thiệt hại tài sản:

FUBON sẽ trả cho Người được bảo hiểm số tiền bồi thường vượt mức trách nhiệm của bảo hiểm bắt buộc TNDS chủ xe ô tô nhưng không vượt quá số tiền bảo hiểm và không vượt quá số tiền bồi thường theo thỏa thuận giữa các bên và FUBON hoặc phán quyết của Tòa án.

17.2.1 Trường hợp chủ xe không mua bảo hiểm bắt buộc TNDS chủ xe theo quy định của pháp luật hoặc có mua tại DNBH khác thì FUBON chỉ trả cho Người được bảo hiểm số tiền bồi thường vượt mức trách nhiệm của bảo hiểm bắt buộc TNDS chủ xe theo quy định của pháp luật nhưng không vượt quá số tiền bảo hiểm và không vượt quá số tiền bồi thường theo thỏa thuận giữa các bên và FUBON hoặc phán quyết của Tòa án.

17.2.2 Nếu chủ xe có mua phân bảo hiểm TNDS tự nguyện tại DNBH khác thì FUBON sẽ áp dụng nguyên tắc giải quyết bồi thường trong trường hợp có bảo hiểm trùng theo quy định tại Điều 8.

PHẦN V

BẢO HIỂM TAI NẠN LÁI XE, PHỤ XE VÀ NGƯỜI NGỒI TRÊN XE

ĐIỀU 18: ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI BẢO HIỂM

18.1 Đối tượng bảo hiểm:

Là thân thể, tính mạng của lái xe, phụ lái xe, người ngồi trên xe.

18.2 Phạm vi bảo hiểm:

FUBON sẽ bồi thường cho Người được bảo hiểm bị tai nạn dẫn đến thương tật hoặc tử vong khi đang ở trên xe, lên xuống xe trong quá trình xe được bảo hiểm đang tham gia giao thông.

ĐIỀU 19: LOẠI TRỪ BẢO HIỂM

FUBON không chịu trách nhiệm bồi thường những tổn thất xảy ra trong các trường hợp hoặc gây ra bởi các nguyên nhân sau:

19.1 Hành động cố ý gây thiệt hại của chủ xe, lái xe và những người có quyền lợi liên quan đến sở hữu, khai thác hoặc sử dụng xe hoặc của người bị hại.



- 19.2** Lái xe bỏ trốn sau khi gây tai nạn.
- 19.3** Xe được điều khiển bởi người không phải là Lái xe được phép.
- 19.4** Chiến tranh nội chiến, cách mạng, phản loạn, đình công, hành vi gây rối trật tự công cộng, quần chúng nổi dậy, bất kỳ kẻ khủng bố và người nào hành động với mục đích chính trị.
- 19.5** Bom, mìn hoặc các công cụ chiến tranh khác.
- 19.6** Thiệt hại tổn thất hoặc phí tổn phát sinh từ việc sử dụng bất kỳ vũ khí chiến tranh hạt nhân nguyên tử hoặc sự phân hạch và/hoặc tổng hợp hạt nhân hoặc những phản ứng khác hoặc năng lượng phóng xạ hoặc tương tự.
- 19.7** Thiệt hại đối với tài sản đặc biệt bao gồm: vàng, bạc, đá quý, tiền, các loại giấy tờ có giá trị như tiền, đồ cổ, tranh ảnh quý hiếm, thi hài, hài cốt.
- 19.8** Tại thời điểm xe tham gia giao thông hoặc đang vận hành xảy ra tổn thất, xe không có giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và môi trường theo qui định của pháp luật hoặc có nhưng đã hết hiệu lực.
- 19.9** Xe thay đổi đặc trưng kỹ thuật chưa được cơ quan Nhà nước cho phép và hoặc chưa thông báo bằng văn bản cho FUBON và hoặc chưa được FUBON chấp nhận tiếp tục bảo hiểm.
- 19.10** Lái xe có nồng độ cồn, rượu, bia, sử dụng ma túy hoặc các chất kích thích khác trong máu hoặc khí thở tại thời điểm điều khiển xe gây tai nạn vượt quá qui định cho phép của pháp luật hiện hành.
- 19.11** Xe chở hàng trái phép, hàng cấm hoặc không thực hiện đầy đủ các quy định về vận chuyển, xếp dỡ hàng hóa theo quy định của pháp luật.
- 19.12** Xe sử dụng để tập lái, đua thể thao, đua xe (bao gồm đua hợp pháp và trái phép), tham gia diễu hành, tuần hành, chạy thử sau khi sửa chữa (trừ khi có thỏa thuận khác); xe được bảo hiểm dùng để kéo xe khác có thu tiền hoặc không tuân thủ quy định của pháp luật.
- 19.13** Xe đi vào đường cấm, khu vực cấm, đường ngược chiều, vượt đèn đỏ, chuyển hướng xe tại nơi bị cấm hoặc không chấp hành hiệu lệnh của người điều khiển giao thông; xe đi đêm không có thiết bị chiếu sáng hoặc thiết bị chiếu sáng không đảm bảo theo qui định.
- 19.14** Tai nạn xảy ra ngoài lãnh thổ nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam (trừ khi có thỏa thuận khác).
- 19.15** Xe chở quá trọng tải hoặc quá số lượng hành khách qui định là nguyên nhân gây tai nạn hoặc xe chở quá 20% trọng tải hoặc số lượng người quy định trở lên.
- 19.16** Tốc độ xe vượt quá tốc độ cho phép 60% trở lên hoặc do quá tốc độ cho phép từ 20% trở lên mà gây ra tai nạn.
- 19.17** Xe thay đổi mục đích sử dụng mà không thông báo trước cho FUBON.
- 19.18** Động đất
- 19.19** Xe bị tai nạn sau khi sửa chữa hoặc đại tu, cải tạo mới mà chưa đi đăng kiểm lại theo qui định của pháp luật.
- 19.20** Loại trừ thiệt hại, tổn thất do xe cho thuê tự lái gây ra (trừ khi có thỏa thuận khác).
- 19.21** Người được bảo hiểm cố ý gây thiệt hại.
- 19.22** Người được bảo hiểm tham gia đánh nhau là nguyên nhân dẫn đến tai nạn trừ khi được xác nhận đó là hành động tự vệ.
- 19.23** Người được bảo hiểm sử dụng và ảnh hưởng của rượu, bia, ma túy hoặc các chất kích thích tương tự khác vượt mức pháp luật cho phép dẫn đến tai nạn.
- 19.24** Người được bảo hiểm bị tử vong hoặc ốm do bị cảm đột ngột, trúng gió, bệnh tật, ngộ độc thức ăn, đồ uống, sử dụng thuốc không theo chỉ định của bác sĩ và các nguyên nhân tương tự.
- 19.25** Người được bảo hiểm bị tử vong, thương tật do chiến tranh, khủng bố.
- 19.26** Tài sản tư trang của người được bảo hiểm.
- 19.27** Và tử vong hoặc bị thương tật gây ra không phải do nguyên nhân tai nạn khi Người được bảo hiểm đang ở trên xe, lên xuống xe trong quá trình xe được bảo hiểm đang tham gia giao thông.

ĐIỀU 20: NGUYÊN TẮC GIẢI QUYẾT BỒI THƯỜNG

Khi xảy ra tai nạn gây tổn thất thân thể, tính mạng đối với lái xe, phụ xe và người ngồi trên xe do tai nạn, FUBON sẽ thanh toán bồi thường cho người được bảo hiểm theo thứ tự ưu tiên như sau: lái xe, phụ xe, sau đó là những người ngồi trên xe trừ khi có thỏa thuận khác trong Hợp đồng bảo hiểm và theo các nguyên tắc sau:

20.1 Tử vong:

Trường hợp người được bảo hiểm bị tử vong do tai nạn, thiên tai hoặc bị tử vong do nguyên nhân tai nạn, thiên tai đó trong vòng mười hai (12) tháng kể từ ngày xảy ra tai nạn, FUBON sẽ trả toàn bộ số tiền bảo hiểm.

Trường hợp Người được bảo hiểm mất tích do xe được bảo hiểm bị tai nạn hoặc thiên tai trong vòng mười hai (12) tháng liên tục và có đủ bằng chứng dẫn FUBON đến kết luận rằng người đó tử vong do nguyên nhân tai nạn trên, FUBON sẽ trả tiền bảo hiểm cho Người thừa kế hợp pháp toàn bộ số tiền bảo hiểm khi Người được bảo hiểm bị mất tích. Tuy nhiên, người (những người) nhận tiền bồi thường sẽ cam kết rằng nếu sau khi nhận tiền bảo hiểm, Người được bảo hiểm lại được phát hiện ra còn sống thì họ sẽ hoàn trả lại FUBON số tiền đó.

20.2 Thương tật

FUBON sẽ bồi thường theo từng thương tật tương ứng với tỷ lệ trả tiền bảo hiểm được quy định trong Bảng tỷ lệ trả tiền bảo hiểm thương tật ban hành kèm theo Quy tắc này. Tổng số tiền bồi thường cho toàn bộ thương tật đến mức giới hạn trách nhiệm của trường hợp tử vong.

20.3 Nếu tại thời điểm xảy ra tai nạn, số người được chở trên xe lớn hơn số người tham gia bảo hiểm được ghi trên Giấy chứng nhận bảo hiểm, FUBON sẽ giảm số tiền bồi thường theo tỷ lệ giữa số người tham gia bảo hiểm và số người thực tế được chở trên xe (quy định này không áp dụng cho trẻ em từ 6 tuổi trở xuống).



PHẦN VI
BẢO HIỂM TNDS CỦA CHỦ XE ĐỐI VỚI HÀNG HÓA VẬN CHUYỂN TRÊN XE

ĐIỀU 21: ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI BẢO HIỂM

21.1 Đối tượng bảo hiểm:

Là TNDS của Chủ xe đối với hàng hóa được vận chuyển trên xe mà Chủ xe có nghĩa vụ vận chuyển theo Hợp đồng vận chuyển hàng hóa với Chủ hàng.

21.2 Phạm vi bảo hiểm:

- a. Trong phạm vi mức trách nhiệm bảo hiểm ghi trong Hợp đồng bảo hiểm, FUBON sẽ thanh toán cho Chủ xe số tiền mà Chủ xe phải bồi thường cho Chủ hàng theo quy định của pháp luật đối với những thiệt hại về hàng hóa vận chuyển trên xe xảy ra do tai nạn, thiên tai hoặc mất trộm, cướp cùng toàn bộ xe.
- b. Ngoài ra, FUBON còn thanh toán cho chủ xe các chi phí cần thiết và hợp lý nhằm:
 - Ngăn ngừa, giảm nhẹ tổn thất cho hàng hoá liên quan đến vụ tai nạn, thiên tai.
 - Bảo quản, xếp dỡ, lưu kho, lưu bãi hàng hoá trong quá trình vận chuyển do hậu quả của tai nạn, thiên tai.
- c. Trong mọi trường hợp, số tiền bồi thường của FUBON (bao gồm cả chi phí cần thiết và hợp lý khác) không vượt quá số tiền bảo hiểm và không vượt quá số tiền thực tế Chủ xe/lái xe phải bồi thường cho Chủ hàng hoặc theo hòa giải dân sự giữa các bên và được FUBON chấp nhận hoặc quyết định của Tòa án.

ĐIỀU 22: HÀNG HÓA ĐẶC BIỆT

Các loại hàng hóa sau đây chỉ được bảo hiểm với điều kiện chủ xe có hợp đồng thỏa thuận riêng với FUBON:

- Vàng, bạc, đá quý (dạng nguyên thủy hoặc đã tinh chế).
- Đồ cổ, tranh nghệ thuật quý hiếm.
- Tiền, các loại ấn chỉ, hoá đơn có giá trị như tiền.
- Thi hài, hài cốt.
- Súc vật, gia cầm.
-

ĐIỀU 23: LOẠI TRỪ BẢO HIỂM

FUBON không chịu trách nhiệm bồi thường những tổn thất xảy ra trong các trường hợp hoặc gây ra bởi các nguyên nhân sau:

- 23.1** Hành động cố ý gây thiệt hại của chủ xe, lái xe và những người có quyền lợi liên quan đến sở hữu, khai thác hoặc sử dụng xe hoặc của người bị hại.
- 23.2** Lái xe bỏ trốn sau khi gây tai nạn.
- 23.3** Xe được điều khiển bởi người không phải là Lái xe được phép.
- 23.4** Thiệt hại gây ra hậu quả gián tiếp như: giảm giá trị thương mại, thiệt hại gắn liền với việc sử dụng và khai thác tài sản bị thiệt hại.
- 23.5** Thiệt hại đối với tài sản bị mất cắp hoặc bị cướp trong tai nạn.
- 23.6** Chiến tranh nội chiến, cách mạng, phản loạn, đình công, hành vi gây rối trật tự công cộng, quần chúng nổi dậy, bất kỳ kẻ khủng bố và người nào hành động với mục đích chính trị.
- 23.7** Bom, mìn hoặc các công cụ chiến tranh khác.
- 23.8** Thiệt hại tổn thất hoặc phí tổn phát sinh từ việc sử dụng bất kỳ vũ khí chiến tranh hạt nhân nguyên tử hoặc sự phân hạch và/hoặc tổng hợp hạt nhân hoặc những phản ứng khác hoặc năng lượng phóng xạ hoặc tương tự.
- 23.9** Thiệt hại đối với tài sản đặc biệt bao gồm: vàng, bạc, đá quý, tiền, các loại giấy tờ có giá trị như tiền, đồ cổ, tranh ảnh quý hiếm, thi hài, hài cốt.
- 23.10** Tại thời điểm xe tham gia giao thông hoặc đang vận hành xảy ra tổn thất, xe không có giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và môi trường theo quy định của pháp luật hoặc có nhưng đã hết hiệu lực.
- 23.11** Xe thay đổi đặc trưng kỹ thuật chưa được cơ quan Nhà nước cho phép và hoặc chưa thông báo bằng văn bản cho FUBON và hoặc chưa được FUBON chấp nhận tiếp tục bảo hiểm.
- 23.12** Lái xe có nồng độ cồn, rượu, bia, sử dụng ma túy hoặc các chất kích thích khác trong máu hoặc khí thở tại thời điểm điều khiển xe gây tai nạn vượt quá qui định cho phép của pháp luật hiện hành.
- 23.13** Xe chở hàng trái phép, hàng cấm hoặc không thực hiện đầy đủ các quy định về vận chuyển, xếp dỡ hàng hóa theo quy định của pháp luật;
- 23.14** Xe sử dụng để tập lái, đua thể thao, đua xe (bao gồm đua hợp pháp và trái phép), tham gia diễu hành, tuần hành, chạy thử sau khi sửa chữa (trừ khi có thỏa thuận khác); xe được bảo hiểm dùng để kéo xe khác có thu tiền hoặc không tuân thủ quy định của pháp luật
- 23.15** Xe đi vào đường cấm, khu vực cấm, đường ngược chiều, vượt đèn đỏ, chuyển hướng xe tại nơi bị cấm hoặc không chấp hành hiệu lệnh của người điều khiển giao thông; xe đi đêm không có thiết bị chiếu sáng hoặc thiết bị chiếu sáng không đảm bảo theo qui định.
- 23.16** Tai nạn xảy ra ngoài lãnh thổ nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam (trừ khi có thỏa thuận khác).
- 23.17** Xe chở quá trọng tải hoặc quá số lượng hành khách qui định là nguyên nhân gây tai nạn hoặc xe chở quá 20% trọng tải hoặc số lượng người quy định trở lên.
- 23.18** Tốc độ xe vượt quá tốc độ cho phép 60% trở lên hoặc do quá tốc độ cho phép từ 20% trở lên mà gây ra tai nạn.
- 23.19** Phần thiệt hại tăng thêm do chủ xe, lái xe không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ các biện pháp cứu chữa, ngăn ngừa hợp lý theo chỉ dẫn của FUBON hoặc trong khả năng nhằm hạn chế thiệt hại.



- 23.20 Xe thay đổi mục đích sử dụng mà không thông báo trước cho FUBON.
23.21 Động đất.
23.22 Mức miễn thường quy định trong Hợp đồng bảo hiểm.
23.23 Xe bị tai nạn sau khi sửa chữa hoặc đại tu, cải tạo mới mà chưa đi đăng kiểm lại theo qui định của pháp luật
23.24 Xe bị mất không rõ nguyên nhân hoặc mất do hành vi lừa đảo, chiếm dụng, tranh chấp dân sự, hoặc hư hỏng bộ phận xe không rõ nguyên nhân.
23.25 Loại trừ tổn thất, thiệt hại do xe cho thuê tự lái gây ra (trừ khi có thỏa thuận khác).
23.26 Tổn thất hàng hoá do sự thu giữ/bắt giữ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc bị hư hỏng do chậm trễ, trừ chậm trễ do tai nạn hoặc thiên tai.
23.27 Tổn thất hàng hoá do bị xô lệch, va đập trong quá trình vận chuyển mà không phải do xe đâm va, lật đổ trong tai nạn, thiên tai.
23.28 Lái xe / chủ xe thiếu trách nhiệm trông coi, bảo quản hàng hóa.
23.29 Xe được bảo hiểm không thích hợp với loại hàng hóa được vận chuyển.
23.30 Mất trộm, mất cướp trừ trường hợp mất hàng hóa cùng với mất trộm, mất cướp hoặc mất do thiên tai cùng toàn bộ xe.
23.31 Hàng hoá hư hỏng tự nhiên do không đủ phẩm chất, do bao bì đóng gói, sắp xếp và bảo quản hàng hóa không đúng theo yêu cầu kỹ thuật hoặc súc vật sống bị ốm, chết không phải do tai nạn.
23.32 Hàng hóa của chủ xe trừ khi có thỏa thuận khác.
23.33 Hàng hóa tự cháy, nổ hoặc gây ra bởi bất kỳ nguyên nhân nào khác nhưng không phải do tai nạn hay thiên tai.
23.34 Trong mỗi vụ khiếu nại bồi thường thuộc trách nhiệm bảo hiểm, FUBON áp dụng mức miễn thường có khấu trừ là 0,5% mức trách nhiệm bảo hiểm nhưng tối thiểu không dưới VND 1,000,000 hoặc theo thỏa thuận giữa FUBON và Chủ xe.

BẢNG THƯƠNG TẬT VÀ TỶ LỆ TRẢ TIỀN BẢO HIỂM

Sự kiện bảo hiểm	Tỷ lệ trả tiền bảo hiểm
Thương tật thân thể bất ngờ trực tiếp dẫn tới:	
Là tỉ lệ % của số tiền bảo hiểm	
I – TỬ VONG	100%
II – THƯƠNG TẬT TOÀN BỘ VĨNH VIỄN	
1. Mất hoặc mù hoàn toàn 2 mắt -----	100%
2. Rối loạn tâm thần hoàn toàn không thể chữa được -----	100%
3. Hỏng toàn bộ chức năng nhai và nói, hô hấp -----	100%
4. Mất hoặc liệt hoàn toàn 2 tay (từ vai hoặc khuỷu xuống) Hoặc 2 chân (từ háng hoặc đầu gối xuống) -----	100%
(Căn cứ theo kết quả giám định y khoa)	
5. Mất cả hai bàn tay hoặc hai bàn chân hoặc mất một cánh tay hoặc một bàn chân hoặc mất một cánh tay và một cẳng chân hoặc một bàn tay và một cẳng chân hoặc một bàn tay và một bàn chân -----	100%
6. Cắt toàn bộ một bên phổi và một phần phổi bên kia -----	100%
7. Mất hoàn toàn khả năng lao động mà không thể làm bất cứ việc gì (toàn bộ bị tê liệt, bị thương dẫn đến tình trạng nằm liệt giường hoặc dẫn đến tàn tật toàn bộ vĩnh viễn) -----	100%
III – THƯƠNG TẬT BỘ PHẬN VĨNH VIỄN	
CHI TRÊN	
8. Mất một cánh tay từ vai xuống (Tháo khớp vai) -----	75-85%
9. Cắt cụt cánh tay từ dưới vai xuống -----	70-80%
10. Cắt cụt một cánh tay từ khuỷu xuống (Tháo khớp khuỷu) -----	65-75%
11. Mất trọn một bàn tay hoặc cả 5 ngón tay -----	60-70%
12. Mất đồng thời cả bốn ngón tay (trừ ngón cái) -----	40-50%
13. Mất đồng thời cả ngón cái và ngón trỏ -----	35-45%
14. Mất 3 ngón: 3 - 4 - 5 -----	30-35%
15. Mất ngón cái và 2 ngón khác -----	35-40%
16. Mất ngón cái và một ngón khác -----	30-35%
17. Mất ngón trỏ và hai ngón khác -----	35-40%
18. Mất ngón trỏ và một ngón giữa -----	30-35%
19. Mất trọn ngón cái và đốt bàn -----	25-30%
- Mất trọn ngón cái -----	20-25%
- Mất cả đốt ngoài -----	10-15%
- Mất nửa đốt ngoài -----	07-10%
20. Mất ngón trỏ và đốt bàn -----	20-25%
- Mất ngón trỏ -----	18-22%



- Mất hai đốt 2 và 3	10-12%
- Mất đốt 2	08-10%
21. Mất trọn ngón giữa hoặc ngón nhẫn (cả đốt bàn)	18-22%
- Mất trọn ngón giữa hoặc ngón nhẫn	15-18%
- Mất hai đốt 2 và 3	08-12%
- Mất đốt 3	04-07%
22. Mất cả ngón út và đốt bàn	15-20%
- Mất cả ngón út	10-15%
- Mất hai đốt 2 và 3	08-10%
- Mất đốt 3	04-07%
23. Cứng khớp bả vai	30-40%
24. Cứng khớp khuỷu tay	25-35%
25. Cứng khớp cổ tay	25-35%
26. Gãy tay can lệch hoặc mất xương làm chi ngắn trên 3cm và chức năng quay sấp ngửa hạn chế hoặc tạo thành khớp giả	25-35%
27. Gãy xương cánh tay ở cổ giải phẫu, can xấu, hạn chế cử động khớp vai	35-45%
28. Gãy xương cánh tay	- Can tốt, cử động bình thường 15-25%
- Can xấu, teo cơ	25-30%
29. Gãy 2 xương cẳng tay vai	12-25%
30. Gãy 1 xương quay hoặc trụ	10-20%
31. Khớp giả 2 xương	25-35%
32. Khớp giả 1 xương	15-20%
33. Gãy đầu dưới xương quay	10-18%
34. Gãy mỏm trâm quay hoặc trụ	08-15%
35. Gãy xương cổ tay	10-18%
36. Gãy xương đốt bàn (Tùy mức độ từ 1 đến nhiều đốt)	08-15%
37. Gãy xương đòn: Can tốt	08-12%
- Can gồ, cứng vai	08-25%
- Có chèn ép thần kinh mũ	30-35%
38. Gãy xương bả vai: -Gãy vỡ, khuyết phần thân xương	10-15%
- Gãy vỡ ngành ngang	17-22%
- Gãy vỡ phần khớp vai	30-40%
39. Gãy xương ngón tay (Tùy mức độ từ 1 đến nhiều ngón)	03-12%
CHI DƯỚI	
40. Mất một chân từ háng xuống (Tháo khớp không một đùi)	75-85%
41. Cắt cụt một đùi	
- 1/3 trên	70-80%
- 1/3 giữa hoặc dưới	55-75%
42. Cắt cụt một chân từ gối xuống (Tháo khớp gối)	60-70%
43. Tháo khớp cổ chân hoặc mất một bàn chân	55-65%
44. Mất xương sên	35-40%
45. Mất xương gót	35-45%
46. Mất đoạn xương chày, mác gây khớp giả cẳng chân	35-45%
47. Mất đoạn xương mác	20-30%
48. Mất mắt cá chân:	
- Mắt cá ngoài	10-15%
- Mắt cá trong	15-20%
49. Mất cả 5 ngón chân	45-55%
50. Mất 4 ngón chân bao gồm cả ngón cái	38-48%
51. Mất bốn ngón trừ ngón cái	35-45%
52. Mất ba ngón 3 – 4 – 5	25-30%
53. Mất ba ngón 1 – 2 – 3	30-35%
54. Mất một ngón cái và ngón 2	20-25%
55. Mất một ngón cái	15-20%
56. Mất một ngón ngoài ngón cái	10-15%
57. Mất một đốt ngón cái	08-12%
58. Cứng khớp háng	45-55%
59. Cứng khớp gối	30-40%
60. Mất phần lớn xương bánh chè và giới hạn nhiều khả năng duỗi cẳng chân trên đùi	45-55%
61. Gãy chân can lệch hoặc mất xương làm ngắn chi	
- Ít nhất 5 cm	40-45%



- Từ 3 đến 5 cm	35-40%
62. Liệt hoàn toàn dây thần kinh hông khoeo ngoài	35-45%
63. Liệt hoàn toàn dây thần kinh hông khoeo trong	25-35%
64. Gãy xương đùi 1/3 giữa hoặc dưới	
- Can tốt	20-30%
- Can xấu, trục lệch, chân dạng hoặc khép, teo cơ	30-40%
(Trường hợp phải mổ được thanh toán mức tối đa)	
65. Gãy 1/3 trên hay cổ xương đùi (Trường hợp mổ được thanh toán tối đa)	
- Can tốt, trục thẳng	25-35%
- Can tốt, trục thẳng	35-45%
66. Khớp giả cổ xương đùi	45-55%
67. Gãy 2 xương cẳng chân (chày+mác)	20-30%
68. Gãy xương chày	15-22%
69. Gãy đoạn mâm chày	15-25%
70. Gãy xương mác	10-20%
71. Đứt gân bánh chè	15-25%
72. Vỡ xương bánh chè (trường hợp mổ thanh toán tối đa)	10-20%
73. Vỡ xương bánh chè bị cứng khớp gối hoặc teo cơ (tùy theo mức độ)	25-35%
74. Đứt gân Achille (đã nối lại)	15-25%
75. Gãy xương đốt bàn (tùy theo mức độ từ 1 đến nhiều đốt)	07-12%
76. Vỡ xương gót	15-25%
77. Gãy xương thuyền	15-22%
78. Gãy xương ngón chân (tùy mức độ từ 1 đến nhiều đốt)	04-12%
79. Gãy ngành ngang xương mu	25-32%
80. Gãy ụ ngồi	25-30%
81. Gãy cánh xương chậu 1 bên	20-30%
82. Gãy cánh xương chậu 2 bên, méo xương chậu (tùy mức độ ảnh hưởng đến sinh đẻ)	40-60%
83. Gãy xương cụt:	
- Không rối loạn cơ tròn	10-15%
- Có rối loạn cơ tròn	25-35%
CỘT SỐNG	
84. Cắt bỏ cung sau	
- của một đốt sống	35-40%
- Của 2 – 3 đốt sống trở lên	45-60%
85. Gãy xẹp thân 1 đốt sống (không liệt tủy)	30-40%
86. Gãy xẹp thân 2 đốt sống trở lên (không liệt tủy)	45-60%
87. Gãy vỡ mòm gai hoặc mòm bên:	
- của 1 đốt sống	10-17%
- Của 2-3 đốt sống	25-45%
SỌ NÃO	
88. Khuyết xương sọ (chưa có biểu hiện thần kinh, tâm thần)	
- Đường kính dưới 6 cm	25-40%
- Đường kính từ 6-10 cm	40-60%
- Đường kính trên 10 cm	50-70%
89. Rối loạn ngôn ngữ do ảnh hưởng của vết thương đại não	
- Nói ngọng, nói lắp khó khăn ảnh hưởng đến giao tiếp	30-40%
- Không nói được (câm) do tổn hại vùng Broca	60-70%
- Mất khả năng giao dịch nặng chữ viết	55-70%
(mất nhận biết về ngôn ngữ do tổn hại vùng Wernicke)	
90. Lột da đầu toàn bộ (1 phần theo tỷ lệ)	45-55%
91. Vết thương sọ não nở:	
- Xương bị nứt rạn	40-55%
- Lún xương sọ	30-40%
- Nhiều mảnh xương đi sâu vào não	50-60%
92. Chấn thương sọ não kín	
- Vỡ vòm sọ (đường rạn nứt thường, lõm hoặc lún xương)	20-30%
- Vỡ xương lan xuống nền sọ không có liệt dây thần kinh ở nền sọ	30-40%
- Vỡ xương lan xuống nền sọ có liệt dây thần kinh ở nền sọ	40-50%
93. Chấn thương não	



- Chấn thương động não-----	08-15%
- Phù não-----	40-50%
- Giập não, dẹp não -----	50-60%
- Chảy máu khoang dưới nhện -----	40-50%
- Máu tụ trong sọ (ngoài màng cứng, trong màng cứng, trong não) -----	30-40%

LÒNG NGỰC

94. Cắt bỏ 1 -2 xương sườn-----	15-20%
95. Cắt bỏ từ 3 xương sườn trở lên -----	25-35%
96. Cắt bỏ đoạn mỗi xương sườn -----	08-10%
97. Gãy 1- 2 xương sườn-----	07-12%
98. Gãy 3 xương sườn chờ lên -----	15-25%
99. Gãy xương ức đơn thuần (chức năng phân tim và hô hấp bình thường)-----	15-20%
100. Mè hoặc rạn nứt xương ức-----	10-15%
101. Cắt toàn bộ 1 bên phổi-----	70-80%
102. Cắt nhiều thùy phổi ở 2 bên, DTS giảm trên 50% -----	65-75%
103. Cắt nhiều thùy phổi ở 1 bên -----	50-60%
104. Cắt 1 thùy phổi-----	35-45%
105. Trần dịch, khí, máu màng phổi (chỉ chọc hút đơn thuần) -----	04-10%
106. Trần khí, máu màng phổi (phải dẫn lưu mô cầm máu) -----	20-30%
107. Tổn thương các van tim, vách tim do chấn thương (chưa suy tim) -----	50-60%
108. Khâu màng ngoài tim:	
- Phẫu thuật kết quả hạn chế-----	60-70%
- Phẫu thuật kết quả tốt-----	35-45%
- -----	

BỤNG

109. Cắt toàn bộ dạ dày-----	75-85%
110. Cắt đoạn dạ dày-----	50-60%
111. Cắt gần hết ruột non (còn lại dưới 1 m) -----	75-85%
112. Cắt đoạn ruột non -----	40-50%
113. Cắt toàn bộ đại tràng-----	75-85%
114. Cắt đoạn đại tràng -----	50-60%
115. Cắt bỏ gan phải đơn thuần -----	70-80%
116. Cắt bỏ gan trái đơn thuần -----	60-70%
117. Cắt phần thùy gan, tùy vị trí, số lượng và kết quả phẫu thuật-----	40-60%
118. Cắt bỏ túi mật -----	45-55%
119. Cắt bỏ lá lách-----	40-50%
120. Cắt bỏ đuôi tụy, lách-----	60-70%
121. Khâu thủng lỗ dạ dày -----	25-35%
122. Khâu lỗ thủng ruột non (tùy theo mức độ 1 lỗ hay nhiều lỗ thủng)-----	30-45%
123. Khâu lỗ thủng đại tràng -----	30-40%
124. Đụng rập gan, khâu gan -----	35-45%
125. Khâu vỏ lách -----	25-30%
126. Khâu tụy -----	30-35%

CƠ QUAN TIẾT NIỆU, SINH DỤC

127. Cắt bỏ một thận, thận còn lại bình thường -----	50-60%
128. Cắt bỏ một thận, thận còn lại bị thương hoặc bệnh lý-----	70-80%
129. Cắt một phần thận trái hoặc phải -----	30-40%
130. Chấn thương thận (tùy theo mức độ và 1 hoặc 2 bên)	
- Nhẹ (không phải xử lý đặc hiệu, theo dõi dưới 5 ngày)-----	04-08%
- Trung bình (phải dùng thuốc đặc trị theo dõi trên 5 ngày) -----	10-15%
- Nặng (có đụng rập, phải can thiệp ngoại khoa) -----	47-55%
131. Cắt 1 phần bàng quang -----	27-35%
132. Mô thông bàng quang vĩnh viễn -----	70-80%
133. Khâu lỗ thủng bàng quang -----	30-35%
134. Mất dương vật và 2 tinh hoàn ở người:	
- Dưới 55 tuổi chưa có con -----	70-80%
- Dưới 55 tuổi đã có con -----	55-65%
- Trên 55 tuổi-----	35-40%
135. Cắt bỏ dạ con và buồng trứng ở người:	
- Dưới 45 tuổi chưa có con -----	60-70%



- Dưới 45 tuổi đó có con	30-40%
- Trên 45 tuổi	25-30%
136. Cắt vú ở nữ:	
- Dưới 45 tuổi: một bên	20-30%
hai bên	45-55%
- Trên 45 tuổi: một bên	15-20%
hai bên	30-40%

MẮT

137. Mất hoặc mù hoàn toàn một mắt	
- Không lắp được mắt giả	55-65%
- Lắp được mắt giả	50-60%
138. Một mắt thị lực còn đến 1/10	30-45%
139. Một mắt thị lực còn từ 2/10 đến 4/10	12-20%
140. Một mắt thị lực còn từ 5/10 đến 7/10	07-15%
141. Mất hoặc mù hoàn toàn một mắt nhưng trước khi xảy ra tai nạn này đó mắt hoặc mù một mắt rồi	80-90%

TAI – MŨI – HỌNG

142. Điếc 2 tai, hoàn toàn không phục hồi được	75-85%
- Nặng (Nói to hoặc thét vào tai người nghe)	60-70%
- Vừa (Nói to 1-2m còn nghe)	35-45%
- Nhẹ (Nói to 2-4m còn nghe)	15-25%
143. Điếc một tai, hoàn toàn không phục hồi được	30-40%
- Vừa	15-20%
- Nhẹ	08-15%
144. Mất vành tai hai bên	20-40%
145. Mất vành tai một bên	10-25%
146. Sẹo rúm vành tai, chít hẹp ống tai	20-25%
147. Mất mũi, biến dạng mũi	18-40%
148. Vết thương họng sẹo hẹp ảnh hưởng đến nuốt	20-40%

RĂNG – HÀM - MẶT

149. Mất một phần xương hàm trên và một phần xương hàm dưới từ cành cao trở xuống	
- Khác bên	80-90%
- Cùng bên	70-80%
150. Mất toàn bộ xương hàm trên hoặc dưới	70-80%
151. Mất một phần xương hàm trên hoặc một phần xương hàm dưới từ 1/3 đến 1/2 bị mất từ cành cao trở xuống	35-45%
152. Gãy xương hàm trên và hàm dưới can xấu gây sai khớp, cắn nhai, ăn khó	30-35%
153. Gãy xương gò má, cung tiếp xương hàm trên hoặc xương hàm dưới gây rối loạn nhẹ khớp cắn và chức năng nhai	15-25%
154. Khớp hàm giả do không liền xương hay khuyết xương	20-25%
155. Mất răng:	
- Trên 8 cái không lắp được răng giả	30-40%
- Từ 5 – 7 răng	15-25%
- Từ 3 – 4 răng	08-12%
- Từ 1 – 2 răng	03-06%
156. Mất 3/4 lưỡi, còn gốc lưỡi (từ đường gai V trở ra)	75-85%
157. Mất 2/3 lưỡi từ đầu lưỡi	50-60%
158. Mất 1/3 lưỡi ảnh hưởng đến phát âm	15-25%
159. Mất một phần nhỏ lưỡi (dưới 1/3) ảnh hưởng đến phát âm	10-15%

VẾT THƯƠNG PHẦN MỀM BỎNG

160. Vết thương phần mềm (VTPM) bao gồm rách da, rách niêm mạc, bong gân, sai khớp... Không ảnh hưởng tới cơ năng (tùy theo mức độ nặng, nhẹ, nhiều, ít)	02-12%
161. VTPM gây đau, rát, tê, co kéo (tùy mức độ rộng hẹp nhiều, ít,) ảnh hưởng đến gân, cơ, mạch máu lớn, thần kinh	12-25%
162. VTPM ở ngực, bụng ảnh hưởng đến hô hấp	35-45%
163. VTPM để lại sẹo, xơ cứng làm biến dạng mặt gây trở ngại đến ăn, nhai và cử động cổ	40-60%
164. VTPM khuyết hồng lớn ở chung quanh hốc miệng, vết thương môi và má ảnh hưởng nhiều đến ăn uống	50-60%
165. Mất 1 phần hàm ếch làm thông giữa mũi và miệng	20-30%
166. Bỏng nông (độ I, độ II)	
- Diện tích dưới 5%	03-07%



- Diện tích từ 5-15%	-----	10-15%
- Diện tích trên 15%	-----	15-25%
167. Bỏng sâu (độ III, độ IV, độ V)		
- Diện tích dưới 5%	-----	20-35%
- Diện tích từ 5-15%	-----	35-60%
- Diện tích trên 15%	-----	60-80%

NGUYÊN TẮC XÉT TRẢ TIỀN BẢO HIỂM

Việc xét giải quyết trả tiền theo bảng này sẽ căn cứ trên các chứng từ điều trị của khách hàng cung cấp cho FUBON, kết quả giám định của Hội đồng giám định y khoa và các quy định dưới đây:

- 1) Mất hẳn chức năng của từng bộ phận hoặc hỏng vĩnh viễn chỉ được coi như mất từng bộ phận đó hoặc mất chi.
- 2) Những trường hợp thương tật không liệt kê trong bảng sẽ được bồi thường theo tỉ lệ trên cơ sở so sánh tính nghiêm trọng của nó với những trường hợp khác có trong bảng theo thỏa thuận của các bên. Nếu các bên không thể thỏa thuận với nhau thì tỷ lệ thương tật sẽ được xác định theo theo kết luận của Hội đồng giám định y khoa.
- 3) Vết thương điều trị bình thường, vết thương không bị nhiễm trùng sẽ được trả tiền bảo hiểm tương ứng với mức thấp nhất của thang tỉ lệ trả tiền bảo hiểm quy định cho trường hợp này.
- 4) Vết thương điều trị phức tạp, vết thương bị nhiễm trùng hoặc sau khi điều trị còn để lại di chứng thì tùy theo kết luận của bác sỹ chuyên môn, tỷ lệ trả tiền bảo hiểm được trả cao dần cho tới mức tối đa của thang tỉ lệ trả tiền bảo hiểm quy định cho trường hợp này.
- 5) Trường hợp đa thương tật bộ phận được trả tiền bảo hiểm cho từng thương tật bộ phận nhưng tổng số tiền trả cho Người được bảo hiểm không vượt quá số tiền bảo hiểm. Trường hợp đa thương tật bộ phận ở cùng một chi, tổng số tiền trả cho các vết thương không được vượt quá tỉ lệ mất chi đó.
- 6) Những trường hợp phải mổ lại, đập can xương làm lại được trả thêm 50% mức tối thiểu của thang tỉ lệ trả cho trường hợp đó nhưng tổng số tiền chi trả không vượt quá số tiền bảo hiểm.